



VOLMITIN®
CAO KHÔ LÁ BẠCH QUẢ 80 MG
(Extractum Folii Ginkgo siccus)
(tương đương 19,2 mg flavonoid toàn phần)



Hộp 6 vỉ x 10 viên nang cứng

VOLMITIN®

CAO KHÔ LÁ BẠCH QUẢ 80 MG
(Extractum Folii Ginkgo siccus)
(tương đương 19,2 mg flavonoid toàn phần)



Mp MEDIPLANTEX

THÀNH PHẦN: Mỗi viên chứa
Cao khô lá Bạch quả80 mg
(Extractum Folii Ginkgo siccus)
(tương đương với 19,2 mg flavonoid toàn phần)
Tá được.....Vừa đủ 1 viên nang cứng

CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo

BẢO QUẢN: Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C

TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG: NSX

ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

SLSX/ Lot.No:
NSX/ Mfg.date:
HD/ Exp.date:

Nhà sản xuất:
CÔNG TY CP DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX
Trụ sở: Số 358 đường Giải Phóng, P.Phương Liệt, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội
SX tại: Số 356 đường Giải Phóng, P.Phương Liệt, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội



GINKGO BILOBA EXTRACT 80 MG
(Extractum Folii Ginkgo siccus)
(equivalent to 19,2 mg flavonoid of total flavonoid)

VOLMITIN®

Box of 6 blisters x 10 capsules



Mp MEDIPLANTEX

COMPOSITION: Each tablet contains
Ginkgo biloba extract.....80 mg
(Extractum Folii Ginkgo siccus)
(equivalent to 19,2 mg of total flavonoid)
Excipientsq.s.f. 1 capsule

INDICATION, ADMINISTRATION, CONTRA-INDICATION AND OTHER INFORMATION:
See the leaflet enclosed.

STORAGE: Store in a dry place, protect from light, below 30°C.

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ CAREFULLY THE LEAFLET BEFORE USE

SĐK/Reg.No:
SPECIFICATIONS: Manufacturer's



VOLMITIN®
GINKGO BILOBA EXTRACT 80 MG
(Extractum Folii Ginkgo siccus)
(equivalent to 19,2 mg flavonoid of total flavonoid)

Box of 6 blisters x 10 capsules

VOLMITIN®
GINKGO BILOBA EXTRACT 80 MG
(Extractum Folii Ginkgo siccus)
(equivalent to 19,2 mg flavonoid of total flavonoid)

Mp MEDIPLANTEX

Ngày 15 tháng 10 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC
Mai Nhật Thanh



Hộp 5 vỉ x 10 viên nang cứng

VOLMITIN®

CAO KHÔ LÁ BẠCH QUẢ 80 MG
(Extractum Folii Ginkgo siccus)
(tương đương với 19,2 mg flavonoid toàn phần)



VOLMITIN®
CAO KHÔ LÁ BẠCH QUẢ 80 MG
(Extractum Folii Ginkgo siccus)
(tương đương với 19,2 mg flavonoid toàn phần)

Mp MEDIPLANTEX

THÀNH PHẦN: Mỗi viên chứa
Cao khô lá Bạch quả
(Extractum Folii Ginkgo siccus).....80 mg
(tương đương với 19,2 mg flavonoid toàn phần)
Tá được.....vừa đủ 1 viên nang cứng

CHỈ ĐỊNH, CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC: Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo

BẢO QUẢN: Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C

TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG: NSX

ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG

SLSX/ Lot.No:
NSX/ Mfg.date:
HD/ Exp.date:

Nhà sản xuất:
CÔNG TY CP DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX
Trụ sở: Số 358 đường Giải Phóng, P.Phương Liệt, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội
SX tại: Số 356 đường Giải Phóng, P.Phương Liệt, Q.Thanh Xuân, TP.Hà Nội



GINKGO BILOBA EXTRACT 80 MG
(Extractum Folii Ginkgo siccus)
(equivalent to 19,2 mg flavonoid of total flavonoid)

VOLMITIN®

Box of 5 blisters x 10 capsules



VOLMITIN®
GINKGO BILOBA EXTRACT 80 MG
(Extractum Folii Ginkgo siccus)
(equivalent to 19,2 mg flavonoid of total flavonoid)

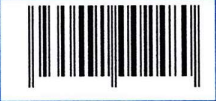
COMPOSITION: Each tablet contains
Ginkgo biloba extract.....80 mg
(Extractum Folii Ginkgo siccus)
(equivalent to 19,2 mg of total flavonoid)
Excipientsq.s.f. 1 capsule

INDICATION, ADMINISTRATION, CONTRA-INDICATION AND OTHER INFORMATION:
See the leaflet enclosed.

STORAGE: Store in a dry place, protect from light, below 30°C.

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN
READ CAREFULLY THE LEAFLET BEFORE USE

SĐK/Reg.No:
SPECIFICATIONS: Manufacturer's



Ngày 15 tháng 5 năm 2025



TỔNG GIÁM ĐỐC
Mai Nhật Thanh

TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

VOLMITIN

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Thành phần công thức thuốc cho 1 viên

Thành phần dược chất:

Cao khô lá bạch quả (*Extractum Folii Ginkgo siccus*) 80 mg

(tương đương 19,2 mg flavonoid toàn phần)

Thành phần tá dược: Tinh bột sắn, tricalci phosphat, magnesi carbonat, talc, magnesi stearat, nang gelatin số 0 màu xanh lá - vàng.

Dạng bào chế: Viên nang cứng.

Mô tả dạng bào chế: Viên nang cứng số 0, màu xanh lá – vàng, bên trong chứa bột thuốc màu vàng nâu, mùi thơm dược liệu, vị đắng.

Chỉ định

Điều trị mất trí nhớ ngắn hạn, thiếu nhạy bén và minh mẫn tâm thần, kém tập trung.

Điều trị trạng thái lão suy (kể cả bệnh Alzheimer).

Điều trị hội chứng khập khiễng cách hồi, bệnh võng mạc (thoái hóa điểm vàng, bệnh võng mạc do đái tháo đường), các hội chứng thuộc thiếu năng tai trong (nhức đầu, chóng mặt, ù tai, lảng tai) ở người cao tuổi.

Hỗ trợ điều trị các di chứng sau đột quy, chấn thương sọ não.

Liều dùng, cách dùng

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: 1 viên/lần, 2-3 lần/ngày.

Uống sau bữa ăn, mỗi đợt dùng 4 - 6 tuần. Có thể dùng thuốc trong thời gian dài.

Chống chỉ định

Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Không sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai.

Người đang có xuất huyết, rối loạn đông máu.

Không dùng đồng thời với thuốc chống huyết.

Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

Thuốc này không phải là thuốc hạ huyết áp, không thể dùng để điều trị thay thế cho các thuốc chống cao huyết áp đặc trị.

Thận trọng khi sử dụng thuốc trên bệnh nhân đang sử dụng thuốc chống đông máu, chống kết tập tiểu cầu, trẻ em dưới 12 tuổi.



Ngừng thuốc trước phẫu thuật 2 tuần.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

Phụ nữ có thai

Không dùng thuốc cho phụ nữ có thai.

Phụ nữ cho con bú

Chưa có các nghiên cứu đầy đủ, không nên dùng thuốc khi đang cho con bú nếu không có hướng dẫn của thầy thuốc.

Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc: Không ảnh hưởng.

Tương tác, tương kỵ của thuốc

Tương tác của thuốc

Dùng đồng thời với các thuốc chống đông máu, thuốc chống kết tập tiểu cầu có thể làm tăng nguy cơ rối loạn chảy máu.

Không dùng cùng thuốc rối loạn tâm thần: động kinh, co giật, lo âu; thuốc kháng viêm giảm đau NSAID; thuốc chống cao huyết áp; bệnh tim (thuốc chẹn kênh calci); thuốc chuyển hóa qua họ enzym CYP450, P-Glycoprotein; thuốc chống đái đường.

Tương kỵ của thuốc

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

Tác dụng không mong muốn của thuốc (ADR)

Bảng tóm tắt các phản ứng có hại được phân nhóm theo tần suất: *rất thường gặp* ($ADR \geq 1/10$), *thường gặp* ($1/100 \leq ADR < 1/10$), *ít gặp* ($1/1000 \leq ADR < 1/100$), *hiếm gặp* ($1/10000 \leq ADR < 1/1000$), *rất hiếm gặp* ($ADR < 1/10000$) và *không rõ* (không thể ước tính từ dữ liệu có sẵn):

Rất hiếm gặp: Rối loạn tiêu hóa, nhức đầu, dị ứng da.

Có thể kéo dài thời gian chảy máu.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc

Quá liều và cách xử trí

Quá liều

Không có dữ liệu về sử dụng thuốc quá liều, không dùng quá liều chỉ định của thuốc.

Cách xử trí

Tích cực theo dõi để có biện pháp xử trí kịp thời.

Dược lực học

Theo kết quả nghiên cứu trên *in vitro* và *in vivo* thì cao bạch quả có các tác dụng sau:

Cao bạch quả có tác dụng điều hòa vận mạch trên toàn bộ mạch máu: động mạch, mao mạch, tĩnh mạch. Tác dụng phụ thuộc vào liều lượng và thay đổi tùy theo tính chất, đường kính và

nguồn gốc của mô mạch máu. Ngoài ra còn phụ thuộc vào trương lực cơ bản và tình trạng của thành mạch, kích thích sự tiết EDRF từ nội mô (Endothelium derived relaxing factor).

Cao bạch quả chống phù mạch ở não lẫn ngoại biên, che chở hàng rào máu - não, máu - võng mạc.

Cao bạch quả ức chế yếu tố hoạt hóa tiểu cầu, ngăn chặn hiện tượng kết tập tiểu cầu, phòng sự tạo thành huyết khối và tai biến mạch máu não.

Cao bạch quả có tác dụng bảo vệ các neuron ở não và các tế bào thần kinh cảm giác.

Cải thiện tuần hoàn máu: thuốc có tác dụng làm giảm độ nhớt máu và làm tăng độ đàn hồi của hồng cầu và bạch cầu, do đó làm tăng tuần hoàn máu.

Dược động học

Cao bạch quả hấp thu hoàn toàn qua đường uống. Thuốc chủ yếu được hấp thu ở phần trên của đường tiêu hóa. Nồng độ đỉnh đạt được sau 1 giờ 30 phút.

Thuốc được phân bố chủ yếu ở mắt, các loại mô hạch và thần kinh, đặc biệt là vùng dưới đồi, hồi hải mã và thể vân.

Thuốc thải trừ qua đường niệu, thời gian bán thải khoảng 4 giờ 30 phút.

Quy cách đóng gói: Hộp 5 vi x 10 viên, hộp 6 vi x 10 viên.

Điều kiện bảo quản: Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng thuốc: NSX

Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX

Địa chỉ: Số 358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Sản xuất tại: Số 356 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Hà Nội, ngày 9 tháng 9 năm 2025



TỔNG GIÁM ĐỐC
Mai Nhật Thanh